

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM THẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND -HCC

Cẩm Thạch, ngày tháng 8 năm 2025

Về việc giao thực hiện Quyết định công bố TTHC đặc thù được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Nông nghiệp, Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Dân tộc và Tôn giáo/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Phục vụ HCC xã.

Thực hiện Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố danh mục TTHC đặc thù được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Lâm nghiệp, Nông nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Dân tộc và Tôn giáo/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hoá (có Quyết định và danh mục kèm theo).

Chủ tịch UBND xã đề nghị Phòng Kinh tế; Trung tâm Phục vụ HCC xã. Nghiên cứu nội dung trong Quyết định nêu trên, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng đơn vị, triển khai thực hiện tốt Quyết định của UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND xã.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND xã (B/c);
- Trang thông tin điện tử xã (để đăng tải);
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hùng Vui

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính đặc thù được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ
lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Lâm nghiệp, Nông nghiệp
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/
Sở Dân tộc và Tôn giáo/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về sửa đổi tên và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng

nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát, giai đoạn 2023 - 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1032/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 13 thủ tục hành chính đặc thù được sửa đổi, bổ sung; 06 thủ tục hành chính đặc thù bị bãi bỏ lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Lâm nghiệp, Nông nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Dân tộc và Tôn giáo/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa *(có Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã; Sở Dân tộc và Tôn giáo xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Dân tộc và Tôn giáo, gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 20/8/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

- Sửa đổi, bổ sung 04 thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn đã được công bố tại Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

- Sửa đổi, bổ sung 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp đã được công bố tại Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Sửa đổi, bổ sung 08 thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp, Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn đã được công bố tại Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVCQG	Tên thủ tục hành chính
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn		
1	1.011465	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi từ 02 xã, phường trở lên (liên kết cấp tỉnh) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
I. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn		
1	1.011466	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một xã, phường (liên kết cấp xã) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2	1.011467	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3	1.011468	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.
4	3.000232	Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền, xây dựng thương hiệu; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa cho các sản phẩm OCOP.
II. Lĩnh vực Lâm nghiệp		
1	3.000235	Hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý.
III. Lĩnh vực Nông nghiệp		
1	1.010849	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô
2	1.010851	Hỗ trợ thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu
3	1.010852	Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững
4	1.010848	Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh.
5	1.010854	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi.
6	1.010855	Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả.
7	3.000234	Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Bãi bỏ 06 thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp đã được công bố tại Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính

được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC)	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
Lĩnh vực Nông nghiệp		
1	Hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung (1.010800)	Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
2	Hỗ trợ hạ tầng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung (1.010840)	
3	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung (1.010841)	
4	Hỗ trợ kinh phí hợp đồng thuê hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung (1.010842)	
5	Hỗ trợ làm đường lâm nghiệp vùng trồng rừng sản xuất tập trung (1.010843)	<i>(Đưa ra khỏi danh mục thủ tục hành chính theo phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, để chuyển sang thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước).</i>
6	Hỗ trợ khi ngừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách phát triển

	(1.010856)	nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
--	------------	--

PHẦN B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Lưu ý: Phần in nghiêng là phần nội dung được sửa đổi, bổ sung so với lần công bố trước)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn

1. Thủ tục: *Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi 02 xã, phường trở lên (liên kết cấp tỉnh) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.011465).*

1.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá), cụ thể:*

+ *Sở Nông nghiệp và Môi trường: Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.*

+ *Sở Dân tộc và Tôn giáo: Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

- *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá (khi thực hiện phi địa giới);*

- *Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.*

c) Trình tự thực hiện

- Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch liên kết để xác định sự phù hợp, cần thiết của liên kết trên địa bàn. Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất về sự phù hợp, đơn vị chủ trì liên kết tiến hành lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

- Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại *Bộ phận Tiếp nhận*

và *Trả kết quả các cấp*, *Bộ phận Tiếp nhận* và *Trả kết quả các cấp* có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các sở (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) như sau:

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường: Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo: Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Trong thời gian *03 ngày làm việc* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, kế hoạch liên kết; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo cơ quan tiếp nhận hồ sơ; đại diện các sở: Tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn cấp tỉnh có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Trong thời hạn *02 ngày làm việc* kể từ ngày nhận được *ý kiến của Tổ thẩm định*, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thông báo cho đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- *Dự án liên kết (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh*

Thanh Hoá) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (chủ trì liên kết) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);

- Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị chủ trì liên kết là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề xuất dự án, kế hoạch liên kết đề hợp tác với các cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia (quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ).

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo.

c) Cơ quan phối hợp: *Sở Tài chính, các ngành, lĩnh vực chuyên môn cấp tỉnh có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết.*

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: Văn bản thông báo của cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc văn bản thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Dự án liên kết (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (chủ trì liên kết) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);

- Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Thực hiện khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ (các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo) và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu số 01**Dự án liên kết**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

**TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT**Phần I****GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT**

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: E-mail
c)

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II **NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):
2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).
3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
2. Quy mô liên kết:
3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
4. Hình thức liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.
7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị ...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông, ...)

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,)

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,)

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải

có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết).

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02**Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

1. Chủ trì liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:
2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)
 - a) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:, Fax: E-mail
 - b) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax: E-mail
 - c)
3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)
4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết
5. Địa điểm thực hiện liên kết:

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
- Quy mô liên kết:
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
- Hình thức liên kết:
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.
 - Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.
 - Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.
 - Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.
2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03**Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết
(hoặc chủ trì liên kết)**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày tháng năm, tại,

..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:, Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:, Fax: E-mail

3.....
Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết
(hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):.....

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng,
trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi:

.....
 (tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:, Fax: E-mail:

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

- | | | | |
|---------------------|--------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| Trồng trọt | ☐ | Lâm nghiệp | ☐ |
| Chăn nuôi | ☐ | Nuôi trồng thủy sản | ☐ |
| Khai thác, sản xuất | ☐ | Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm | |

muối

thủy sản □

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

1. Thủ tục: *Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một xã, phường (liên kết cấp xã) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.011466).*

1.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);

- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.

c) Trình tự thực hiện

- Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch liên kết để xác định sự phù hợp, cần thiết của liên kết trên địa bàn. Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất về sự phù hợp, Đơn vị chủ trì liên kết tiến hành lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

- Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch liên kết.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển hồ sơ về phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ dự án để giải quyết theo quy định.

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) tiếp nhận hồ sơ tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, kế hoạch liên kết; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân

dân cấp xã; thành viên gồm phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị), các phòng, đơn vị chuyên môn cấp xã khác có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); Trưởng thôn nơi có dự án, kế hoạch liên kết.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trình phê duyệt, phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) có văn bản thông báo cho đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

- Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho đơn vị thực hiện liên kết biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Dự án liên kết (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (chủ trì liên kết) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);

- Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị chủ trì liên kết là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề xuất dự án, kế hoạch liên kết để hợp tác với các cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia (quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

b) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *Phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị).*

c) Cơ quan phối hợp: *Các phòng, đơn vị chuyên môn cấp xã có liên quan; Trưởng thôn nơi có dự án, kế hoạch liên kết.*

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: *Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: *Văn bản thông báo của Phòng Kinh tế (hoặc Phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị) hoặc văn bản thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- *Dự án liên kết (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);*

- *Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (chủ trì liên kết) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);*

- *Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam*

kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Thực hiện theo khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ (các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo) và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- *Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân*

tỉnh Thanh Hóa sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu số 01**Dự án liên kết**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN LIÊN KẾT**Phần I****GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT**

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: E-mail

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: E-mail
- c)

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):
2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 03 năm gần nhất).
3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
2. Quy mô liên kết:
3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
4. Hình thức liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.
7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị ...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,)

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,)

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải

có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02**Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

1. Chủ trì liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:
2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)
 - a) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: , Fax: E-mail
 - b) Tên đơn vị tham gia liên kết:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Chức vụ:
 - Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax: E-mail
 - c)
3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)
4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết
5. Địa điểm thực hiện liên kết:

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:
- Quy mô liên kết:
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
- Hình thức liên kết:
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.
- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.
- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.
- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03**Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết
(hoặc chủ trì liên kết)**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày tháng năm, tại,
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:, Fax: E-mail

2. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:, Fax: E-mail

3.....

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết
(hoặc chủ trì liên kết) như sau:

**I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN
KẾT):**

.....

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:

2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

3. Quy mô liên kết:

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng,
trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng

2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng

- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

- (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

**Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng
sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,
an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi:

.....
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):
Người đại diện theo pháp luật:
Chức vụ:
Địa chỉ:
Điện thoại:, Fax: E-mail:
Mã số thuế
Sản phẩm liên kết:
Loại hình liên kết:
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn
chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường
trong các lĩnh vực:

Trồng trọt	☐	Lâm nghiệp	☐
Chăn nuôi	☐	Nuôi trồng thủy sản	☐
Khai thác, sản xuất	☐	Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm	

muối

thủy sản □

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Thủ tục: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (1.011467).

2.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;*

- *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);*

- *Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.*

c) Trình tự thực hiện:

- Thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và lập hồ sơ dự án:

+ Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

+ Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.

- *Cộng đồng dân cư gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án, phương án sản xuất.*

- *Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, phương án sản xuất; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.*

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên gồm phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị), các phòng, đơn vị chuyên môn có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt, phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) có văn bản thông báo cho cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án sản xuất theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Biên bản họp dân (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);

- Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi (quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục

tiêu quốc gia).

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

b) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *Phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị).*

c) Cơ quan phối hợp: *Các phòng, đơn vị chuyên môn cấp xã có liên quan.*

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

a) Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: *Quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

b) Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: *Văn bản thông báo của phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) hoặc văn bản thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- *Biên bản họp dân (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);*

- *Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá).*

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Thực hiện theo khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ (các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo) và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ

được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phân phối ứng thực hiện dự án, phương án.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu số 05**Biên bản họp dân**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày tháng năm, tại tổ chức họp nhân dân để thảo luận lựa chọn nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

.....

- Thư ký cuộc họp: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

.....

II. Thành phần tham gia:

-

-

- Số hộ tham gia:..... hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn

.....

III. Nội dung cuộc họp**1. Phổ biến điều kiện, chính sách hỗ trợ và các thông tin có liên quan đến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, cụ thể:**

- Điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 13, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

Thanh Hóa.

-
-

2. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Lựa chọn tên dự án là:

3. Đại diện cộng đồng và danh sách đối tượng tham gia dự án

a) Ý kiến bình xét người đủ điều kiện đại diện cộng đồng: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

.....

b) Ý kiến bình xét hộ gia đình đủ điều kiện tham gia dự án: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

.....

c) Danh sách cộng đồng được lựa chọn tham gia dự án gồm: hộ, trong đó: (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)/hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo,).

(có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo).

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn thực hiện:

Lưu ý: Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)/hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo...

6. Nguồn kinh phí thực hiện dự án:

Trên cơ sở chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, khả năng huy động kinh phí hợp pháp khác, cuộc họp đã thảo luận, tính toán, thống nhất kinh phí thực hiện dự án, như sau:

Tổng kinh phí thực hiện dự án là: đồng, gồm:

- Đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng
- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng
- Kinh phí đối ứng của cộng đồng: đồng

- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: đồng

7. Nội dung hoạt động của dự án

7.1. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất lựa chọn các nội dung hoạt động đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....

Lưu ý: Nguồn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nội dung (1) *tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm*, (2) *vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi*, (3) *quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ*.

7.2. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất các nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng vốn tín dụng ưu đãi:

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đối ứng của cộng đồng:

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....

Lưu ý: Nêu cụ thể các nội dung hoạt động dự kiến thực hiện từ nguồn kinh phí khác, ví dụ: (1) *Xây dựng, quản lý dự án*, (2) *tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương*, (3) *hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả*.

8. Cuộc họp thống nhất nội dung hoạt động và trách nhiệm của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ theo quy định của nhà nước.

9. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

.....

(*Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án*).

10. Thống nhất phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (*hình thức tự mua sắm hoặc tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm*)

11. Giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có).....
12. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết :.....

IV. Kết luận

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, cuộc họp thống nhất đề cộng đồng dân cư xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị dự án/phương án sản xuất trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Cuộc họp đã kết thúc vào giờ cùng ngày, đọc lại cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất nội dung biên bản./.

Đại diện nhóm hộ/ Tổ hợp tác/cộng đồng	Đại diện UBND xã	Thư ký	Chủ trì cuộc họp
			

Mẫu số 06**Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

thuộc Chương trình MTQG

Tên dự án:

1. Cộng đồng dân cư:

Người đại diện

Chức vụ:

CCCD..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

2. Mục tiêu dự án

a) Mục tiêu chung:

b) Mục tiêu cụ thể: Sau chu kỳ sản xuất các đối tượng tham gia dự án sẽ tăng thu nhập từ ... đồng trở lên (xác định trên cơ sở khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sản xuất được và quy đổi thành tiền theo giá trị tại thời điểm tính toán); các đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)/hộ dân tộc thiểu số,... Mục tiêu có hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo (nếu có).

3. Đối tượng tham gia dự án: ... hộ, trong đó: ... (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)/hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, ...).

Đối tượng tham gia dự án đạt ...% ($\geq 50\%$) đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án ... hoặc Dự án thuộc Chương trình MTQG; trong đó có% đối tượng

tham gia dự án hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)/hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

(Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo).

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn thực hiện dự án:

6. Kinh phí thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng
- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng
- Kinh phí đối ứng của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: ... đồng

(có phụ lục dự toán chi tiết các nội dung hoạt động gửi kèm)

7. Các nội dung

Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ.

8. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

(Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).

9. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

(hình thức tự mua sắm hoặc tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm)

10. Giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có)

11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết :.....

.....

12. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan).....

11. Tổ chức thực hiện dự án:

Kính đề nghị xem xét, phê duyệt dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia/.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(ký, ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (1.011468).

3.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;*

- *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);*

- *Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.*

c) Trình tự thực hiện

- Thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và lập hồ sơ dự án.

+ Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

+ Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất.

- *Cộng đồng dân cư gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất (trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án, phương án sản xuất.*

- *Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị) tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, phương án sản xuất; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.*

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên gồm phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị), các phòng, đơn vị chuyên môn có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt, phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) có văn bản thông báo cho cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án sản xuất theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Biên bản họp dân (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá);

- Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi (quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022

của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia)).

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

b) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *Phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị).*

c) Cơ quan phối hợp: *Các phòng, đơn vị chuyên môn cấp xã có liên quan.*

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: *Quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: *Văn bản thông báo của phòng Kinh tế (phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) hoặc văn bản thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- *Biên bản họp dân (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa);*

- *Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).*

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Thực hiện theo khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia), cụ thể:

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ) (các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo) và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu số 05**Biên bản họp dân**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày tháng năm, tại tổ chức họp
nhân dân để thảo luận lựa chọn nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng
đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

.....

- Thư ký cuộc họp: Ông (bà)..... Chức vụ:.....

.....

II. Thành phần tham gia:

-

-

- Số hộ tham gia:..... hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn

.....

III. Nội dung cuộc họp**1. Phổ biến điều kiện, chính sách hỗ trợ và các thông tin có liên quan đến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, cụ thể:**

- Điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 13, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

-
-

2. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Lựa chọn tên dự án là:

3. Đại diện cộng đồng và danh sách đối tượng tham gia dự án

a) Ý kiến bình xét người đủ điều kiện đại diện cộng đồng: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

.....

b) Ý kiến bình xét hộ gia đình đủ điều kiện tham gia dự án: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

.....

c) Danh sách cộng đồng được lựa chọn tham gia dự án gồm: hộ, trong đó: (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)/hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo,).

(có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo).

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn thực hiện:.....

Lưu ý: Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)/hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo...

6. Nguồn kinh phí thực hiện dự án:

Trên cơ sở chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, khả năng huy động kinh phí hợp pháp khác, cuộc họp đã thảo luận, tính toán, thống nhất kinh phí thực hiện dự án, như sau:

Tổng kinh phí thực hiện dự án là:đồng, gồm:

- Đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng
- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng

- Kinh phí đối ứng của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: đồng

7. Nội dung hoạt động của dự án

7.1. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất lựa chọn các nội dung hoạt động đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....

Lưu ý: Nguồn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nội dung (1) *tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm*, (2) *vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi*, (3) *quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ*.

7.2. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất các nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng vốn tín dụng ưu đãi:

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đối ứng của cộng đồng:

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....

Lưu ý: Nêu cụ thể các nội dung hoạt động dự kiến thực hiện từ nguồn kinh phí khác, ví dụ: (1) *Xây dựng, quản lý dự án*, (2) *tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương*, (3) *hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả*.

8. Cuộc họp thống nhất nội dung hoạt động và trách nhiệm của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ theo quy định của nhà nước.

9. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

.....

(Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).

10. Thống nhất phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

(hình thức tự mua sắm hoặc tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm)

11. Giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có).....

12. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết :.....

IV. Kết luận

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, cuộc họp thống nhất để cộng đồng dân cư xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị dự án/phương án sản xuất trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Cuộc họp đã kết thúc vào giờ cùng ngày, đọc lại cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất nội dung biên bản./.

Đại diện nhóm hộ/ Tổ hợp tác/cộng đồng	Đại diện UBND xã	Thư ký	Chủ trì cuộc họp
			

Mẫu số 06**Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

thuộc Chương trình MTQG

Tên dự án:

1. Cộng đồng dân cư:

Người đại diện

Chức vụ:

CCCD..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

2. Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu chung:

b) Mục tiêu cụ thể: Sau chu kỳ sản xuất các đối tượng tham gia dự án sẽ tăng thu nhập từ ... đồng trở lên (xác định trên cơ sở khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sản xuất được và quy đổi thành tiền theo giá trị tại thời điểm tính toán); các đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)/hộ dân tộc thiểu số,.... mục tiêu có hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo (nếu có).

3. Đối tượng tham gia dự án: ... hộ, trong đó: ... (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, *hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)*/hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, ...).

Đối tượng tham gia dự án đạt ...% ($\geq 50\%$) đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án ... hoặc Dự án thuộc Chương trình MTQG; trong đó có% đối tượng

tham gia dự án hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, *hộ có lao động là người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)/hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.*

(có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo).

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn thực hiện dự án:

6. Kinh phí thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: đồng
- Vốn tín dụng ưu đãi là: đồng
- Kinh phí đối ứng của cộng đồng: đồng
- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: ... đồng

(Có phụ lục dự toán chi tiết các nội dung hoạt động gửi kèm)

7. Các nội dung

Mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ.

8. Dự kiến kết quả thực hiện dự án:

(Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).

9. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước

(hình thức tự mua sắm hoặc tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm)

10. Giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có)

11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết :

.....

12. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan).....

11. Tổ chức thực hiện dự án:

Kính đề nghị xem xét, phê duyệt dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia/.

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(ký, ghi rõ họ tên)

4. Thủ tục: Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền, xây dựng thương hiệu; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa cho các sản phẩm OCOP (3.000232)

4.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);

- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.

c) Trình tự thực hiện

* Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp xã quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP (Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

- Quyết định công nhận sản phẩm OCOP của cấp có thẩm quyền (bản sao).

- Hóa đơn, chứng từ, hợp đồng, thanh lý hợp đồng theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình sản xuất có đăng ký kinh doanh.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng, đơn vị có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: Văn bản trả lời của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP (Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Có sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên và đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 về nhãn hàng hóa, Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 về nhãn hàng hóa.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- *Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.*

**Mẫu số 08: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền;
chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa;
hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn
mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP**

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên Chủ thể OCOP:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản.....Số tài khoản.....
Ngân hàng.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP với những nội dung sau:

1. Tên sản phẩm thứ nhất đề nghị hỗ trợ
 - Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền (như: xây dựng video clip, phóng sự, tờ rơi, quảng cáo.....), gồm:
 - Hỗ trợ chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa, gồm:

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho sản phẩm OCOP (như: bộ nhận diện thương hiệu, lôgô nhận diện, Website, facebook, fanpage...), gồm:

2. Tên sản phẩm thứ 2 đề nghị hỗ trợ

- Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền (như: xây dựng video clip, phóng sự, tờ rơi, quảng cáo....), gồm:

- Hỗ trợ chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa, gồm:

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho sản phẩm OCOP (như: bộ nhận diện thương hiệu, lôgô nhận diện, Website, facebook, fanpage...), gồm:

3. Tên sản phẩm thứ đề nghị hỗ trợ

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

1. Kinh phí đề nghị hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền: đồng.

2. Kinh phí hỗ trợ thiết kế, bao bì, nhãn mác hàng hóa: đồng.

3. Kinh phí hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho sản phẩm: đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/HỌ GIA ĐÌNH

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

II. Lĩnh vực Lâm nghiệp

1. Thủ tục: Hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý (3.000235)

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND các xã Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý, tỉnh Thanh Hoá;

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá (khi thực hiện phi địa giới);

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);

- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.

c) Trình tự thực hiện:

* Xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân xã rà soát nhu cầu hỗ trợ gạo, xây dựng kế hoạch khối lượng và nhu cầu kinh phí (bao gồm cả chi phí vận chuyển đến địa điểm giao gạo) thực hiện chính sách trên địa bàn xã, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch.

Trên cơ sở kế hoạch khối lượng và dự toán kinh phí của Ủy ban nhân dân xã, trong thời hạn 15 ngày, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp vào dự toán ngân sách tỉnh hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách.

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương hằng năm (trong đó, có dự toán thực hiện chính sách).

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách

địa phương hàng năm (trong đó có dự toán thực hiện chính sách), Sở Tài chính thực hiện trình tự thủ tục cấp kinh phí thực hiện chính sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

** Tổ chức mua gạo hỗ trợ*

Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kinh phí thực hiện chính sách, Ủy ban nhân dân các xã: Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp gạo hỗ trợ theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật khác liên quan (đấu thầu mua gạo hàng quý và tổ chức cấp phát gạo hàng tháng đến người dân).

Gạo cấp cho người dân phải đảm bảo chất lượng, được đựng trong bao bì chống ẩm mốc, gồm 02 loại bao (loại 10 kg/bao và loại 15 kg/bao).

Riêng năm 2025, đối với các tháng chưa thực hiện hỗ trợ gạo, sau khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân xã tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp gạo và cấp phát gạo cho người dân theo quy định tại Nghị quyết này.

** Trình tự thực hiện cấp phát gạo hỗ trợ*

- Bước 1: Ủy ban nhân dân xã thông báo nội dung, thời gian cấp gạo trước mỗi đợt cấp; sau khi nhận được thông báo, đối với đợt cấp lần đầu trong năm hoặc khi có thay đổi về đối tượng hỗ trợ, hộ gia đình nộp (trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh tại Bộ phận một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân xã tổng hợp danh sách, hồ sơ đề nghị hỗ trợ gạo trong tháng và tổ chức thẩm định, ban hành Quyết định phê duyệt danh sách, khối lượng hỗ trợ gạo trên địa bàn xã. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, trong vòng 03 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt danh sách, khối lượng gạo hỗ trợ, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với đơn vị trúng thầu cung cấp gạo hỗ trợ vận chuyển bàn giao đầy đủ số lượng gạo, chất lượng gạo tại Ủy ban nhân dân xã; tổ chức cấp phát gạo trực tiếp đến các hộ gia đình thụ hưởng và có sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, đảm bảo dân chủ, công khai, kịp thời, đúng đối tượng và định mức theo quy định; không để tiêu cực, lãng phí xảy ra.

1.2. Cách thức thực hiện: *Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.*

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Đơn đề nghị hỗ trợ gạo (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: *05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Hộ gia đình người dân tộc thiểu, hộ gia đình người Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sinh sống ổn định tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã: Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý (không bao gồm các hộ gia đình, nhân khẩu đang được hỗ trợ gạo theo Quyết định số 5402/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020, Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách).

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân xã Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân xã Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý.
- Cơ quan phối hợp: Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Quyết định phê duyệt danh sách, khối lượng gạo hỗ trợ trên địa bàn xã.*

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị hỗ trợ gạo theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Hộ gia đình phải tham gia một hoặc một số các hoạt động sau: Bảo vệ rừng, nhận khoán bảo vệ rừng, trồng rừng, chăm sóc rừng trồng. Riêng đối với hộ gia

đình thuộc đối tượng hỗ trợ gạo của chính sách này nhưng tham gia nhiều hoạt động (trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng, nhận khoán bảo vệ rừng) thì được nhận hỗ trợ theo một nội dung với mức hỗ trợ cao nhất và đảm bảo không trùng lặp đối tượng hỗ trợ.

Diện tích rừng tối thiểu/hộ gia đình tham gia trồng rừng, chăm sóc rừng trồng là 0,3 ha theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

- *Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;*

- Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát, giai đoạn 2023 - 2026.

- *Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về sửa đổi tên và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát, giai đoạn 2023 - 2026.*

Mẫu số 01**Mẫu đơn đề nghị hỗ trợ gạo**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ GẠO**

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Đại hộ gia đình:.....
2. Dân tộc:.....
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Thông tin về Gia đình: Thuộc hộ gia đình người dân tộc thiểu số (hộ nghèo/hộ không thuộc hộ nghèo)/hộ người Kinh thuộc hộ nghèo/hộ người Kinh cận nghèo; số khẩu:.....;

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ gạo với nội dung như sau:

1. Diện tích bảo vệ rừng/nhận khoán bảo vệ rừng:ha; loại rừng..... (rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên).
2. Diện tích trồng rừng/chăm sóc; thời gian trồng/chăm sóc:.....
3. Vị trí khu rừng: Thuộc Lô..... khoảnh..... tiểu khu.....; xã.....

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét, giải quyết.

....., ngày.....tháng ...năm....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

III. Lĩnh vực Nông nghiệp

1. Thủ tục: Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô (1.010849)

1.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);

- Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.

c) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.

- Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.

- Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua cây giống nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

- Bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ (bản chính).

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán giống của tổ chức, cá nhân trực tiếp trồng rừng với đơn vị cung cấp giống và chứng từ hợp lệ (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân thực hiện trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: *Phòng, đơn vị có liên quan*

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: *Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: *Văn bản trả lời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã.*

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- *Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua cây giống nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.*

- Bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 04/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc nhận khoán đất rừng sản xuất để trồng rừng sản xuất.

- Diện tích trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô phải đảm bảo từ 01 ha trở lên đối với hộ gia đình, cá nhân và từ 20 ha trở lên đối với tổ chức.

- Cây giống phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, được cung cấp từ các cơ sở có đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống theo quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

- Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025;

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- *Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.*

**Mẫu số 02: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua cây giống
nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí mua cây giống nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường.....

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
- Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản.....Số tài
khoản..... Ngân hàng.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí mua cây giống nuôi cấy mô để trồng rừng sản xuất
với các nội dung như sau:

1. Diện tích trồng rừng sản xuất bằng cây giống nuôi cấy mô:.....ha; mật
độ cây đã trồng:.....cây/ha.
2. Số lượng cây giống nuôi cấy mô đã đưa vào trồng rừng sản xuất:..... cây.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ: đồng/cây xcây = đồng.
(Bằng chữ:.....)

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phường.....xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 04/LN: Bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021
của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

(Đối với lô cây giống)

Tên chủ giống cây trồng lâm nghiệp

Địa chỉ Điện thoại:.....

Quyết định công nhận giống hoặc nguồn giống:

.....

Mã số giống hoặc nguồn giống được công nhận

.....

Số TT	Tên loài cây/tên giống	Số lượng cây giống sản xuất		Số lượng cây giống xuất bán			Gh i ch ú
		Tháng , năm	Số lượng (cây)	Tên khách hàng	Địa chỉ	Số lượng (cây)	
Tổng số							

....., ngày tháng năm....

**Tổ chức, cá nhân lập bảng kê giống
cây trồng lâm nghiệp**

*(ký tên và đóng dấu đối với tổ chức; ký,
ghi rõ họ tên đối với cá nhân)*

2. Thủ tục: Hỗ trợ thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu (1.010851)

2.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;*

- *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);*

- *Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.*

c) Trình tự thực hiện

- *Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.*

- *Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.*

- *Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.*

- *Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.*

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng

chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân thực hiện thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: *Phòng, đơn vị có liên quan.*

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: *Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*
- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: *Văn bản trả lời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã.*

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025

của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc nhận khoán đất rừng sản xuất đã trồng luồng, nứa, vầu trên địa bàn các xã: Bá Thước, Thiết Ống, Văn Nho, Cổ Lũng, Pù Luông, Diên Lư, Diên Quang, Quý Lương, Cẩm Thủy, Cẩm Thạch, Cẩm Tân, Cẩm Vân, Cẩm Tú, Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Ngọc Lặc, Thạch Lập, Kiên Thọ, Minh Sơn, Ngọc Liên, Nguyệt Ấn, Hồi Xuân, Hiền Kiệt, Nam Xuân, Phú Lê, Phú Xuân, Thiên Phú, Trung Sơn, Trung Thành, Quan Sơn, Mường Mìn, Na Mèo, Sơn Điện, Tam Thanh, Tam Lư, Trung Hạ, Sơn Thủy, Thường Xuân, Luận Thành, Tân Thành, Xuân Chinh, Thắng Lộc, Yên Nhân, Vạn Xuân, Bát Mọt, Lương Sơn.

- Diện tích rừng trồng luồng, nứa, vầu phải đảm bảo từ 0,5 ha trở lên đối với hộ gia đình, cá nhân và từ 10 ha trở lên đối với tổ chức.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025;

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Mẫu số 03: Đơn đề nghị hỗ trợ phân bón để
thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
- Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản.....Số tài
khoản..... Ngân hàng.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ phân bón để thâm canh rừng trồng luồng, nứa, vầu với các nội
dung như sau:

1. Diện tích được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc nhận khoán đất
rừng sản xuất đã trồng luồng, nứa, vầu:..... ha.
2. Diện tích rừng trồng luồng, nứa, vầu đề nghị hỗ trợ thực hiện thâm
canh...ha; trong đó:
 - Diện tích năm thứ nhất...ha.
 - Diện tích năm thứ hai... ha.

III. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

(Bằng chữ:.....đồng).

Trong đó:

1. Kinh phí đề nghị hỗ trợ thực hiện thâm canh năm thứ nhất:..... đồng.
 (Bằng chữ:.....đồng).

2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ thực hiện thâm canh năm thứ hai:..... đồng.
 (Bằng chữ:.....đồng).

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

3. Thủ tục: Hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (1.010852).

3.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;*

- *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);*

- *Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.*

c) Trình tự thực hiện

* Trình tự thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ:

- *Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.*

- *Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.*

- *Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.*

- *Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.*

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

- Chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) còn hiệu lực (bản sao).

- Hợp đồng đánh giá, giám sát hằng năm với đơn vị tư vấn chứng nhận cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ rừng là tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác); hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư liên kết hình thành nhóm hộ; hoặc liên kết với các doanh nghiệp.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng, đơn vị có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: Văn bản trả lời của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) theo Mẫu số mẫu 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Diện tích rừng trồng tập trung được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) từ 300 ha trở lên.

- Có hợp đồng đánh giá, giám sát hằng năm với đơn vị tư vấn chứng nhận cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025;

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Mẫu số 04: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý
rừng bền vững (FSC)**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC)

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản.....Số tài khoản.....
Ngân hàng.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững với các nội dung như sau:

1. Diện tích được Nhà nước giao đất, liên kết hình thành nhóm hộ, hợp tác xã, hoặc liên kết với các doanh nghiệp:..... ha.
2. Diện tích đã được cấp chứng chỉ FSC:..... ha.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

(Bằng chữ:.....đồng).

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

4. Thủ tục: Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh (1.010848)

4.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;*

- *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);*

- *Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.*

c) Trình tự thực hiện

- *Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.*

- *Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.*

- *Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.*

- *Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.*

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung

thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

- Hợp đồng thuê kiểm soát chất lượng, biên bản kiểm soát, kết quả phân tích chất lượng mẫu sản phẩm hằng tháng (bản sao).

- Giấy chứng nhận VietGAP trở lên đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ năm thứ nhất hoặc Giấy chứng nhận duy trì tiêu chuẩn VietGAP trở lên còn hiệu lực đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ từ năm thứ 2 (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: Văn bản trả lời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Có dự án sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

- Quy mô sản xuất từ 2 ha tập trung trở lên đối với vùng đồng bằng, ven biển; từ 1 ha tập trung trở lên đối với khu vực miền núi thấp; từ 0,5 ha trở lên đối với khu vực miền núi cao (bao gồm các xã: Linh Sơn, Đồng Lương, Văn Phú, Giao An, Yên Khương, Yên Thắng, Quan Sơn, Mường Mìn, Na Mèo, Sơn Điện, Tam Thanh, Tam Lư, Trung Hạ, Sơn Thủy, Hôi Xuân, Hiền Kiệt, Nam Xuân, Phú Lệ, Phú Xuân, Thiên Phú, Trung Sơn, Trung Thành, Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý)

- Được kiểm soát, chứng nhận và duy trì chứng nhận sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn từ VietGAP trở lên.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Mẫu số 01: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất
rau an toàn tập trung chuyên canh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản.....Số tài khoản.....
Ngân hàng.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh với nội dung như sau: Diện tích sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh đề nghị hỗ trợ:...ha; trong đó, vùng đồng bằng, ven biển... ha, vùng miền núi...ha.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

1. Kinh phí xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng của vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh....đồng.

2. Kinh phí kiểm soát quá trình sản xuất rau an toàn và chứng nhận/duy trì chứng nhận VietGAP...đồng. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

5. Thủ tục: Hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi (1.010854)

5.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;*

- *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);*

- *Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.*

c) Trình tự thực hiện

- *Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.*

- *Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.*

- *Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.*

- *Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.*

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

- Hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, hợp đồng, thanh lý hợp đồng đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác hải sản bằng vật liệu mới của chủ tàu cá với đơn vị thi công (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên được đăng ký tại tỉnh Thanh Hóa.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.*
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: *Phòng, đơn vị có liên quan.*

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: Văn bản trả lời của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đã được đăng ký, đăng kiểm, cấp phép khai thác, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

- Hầm bảo quản phải đóng mới và sử dụng công nghệ vật liệu mới theo định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành còn hiệu lực tại thời điểm nhận hỗ trợ.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- *Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.*

Mẫu số 05: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
 Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
 Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Là chủ tàu cá số đăng ký:.....
6. Công suất máy chính:.....KW (CV); Kích thước tàu: chiều dài.....m, chiều rộng.....m, chiều cao.....m.
7. Nghề chính:.....
8. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản.....Số tài khoản.....
 Ngân hàng.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi với nội dung sau: Thời điểm đã đóng mới hầm bảo quản sản phẩm

bằng vật liệu mới..... theo tiêu chuẩn quy định tại Quyết định 663/QĐ-BNN-KN ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT và đưa vào sử dụng: kể từ ngày..... tháng ... năm.....

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phườngxem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỌ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

6. Thủ tục: Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả (1.010855)

6.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;*

- *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);*

- *Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.*

c) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.*

- *Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.*

- *Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.*

- *Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.*

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng

chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

- Hợp đồng với tổ chức chứng nhận sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn từ VietGAP trở lên (bản sao).

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán giống của tổ chức, cá nhân trực tiếp trồng cây ăn quả với đơn vị cung cấp giống và chứng từ theo quy định (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân thực hiện trồng cây ăn quả tập trung thuộc phạm vi Đề án phát triển cây ăn quả tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng, đơn vị có liên quan

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: Văn bản trả lời của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

6.8. Phí, lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Quy mô tối thiểu liên vùng trồng một loại cây đối với hộ gia đình cá nhân đảm bảo từ 01 ha trở lên, đối với tổ chức từ 10 ha trở lên.

- Cây giống phải có nguồn gốc xuất xứ, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật về giống cây ăn quả và được mua từ các cơ sở có đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống nông nghiệp theo quy định tại Luật Trồng trọt (tiêu chuẩn kỹ thuật về giống cây ăn quả nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành, đối với giống cây chưa được ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật thì Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng tiêu chuẩn cơ sở).

- Có hợp đồng với tổ chức chứng nhận sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP trở lên.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025.

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu số 06: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường.....

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản.....Số tài khoản.....
Ngân hàng.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí mua giống cây ăn quả với các nội dung như sau:

1. Diện tích cây ăn quả tập trung đã trồng:ha.
- Nhóm cây cam, bưởi, xoài:ha.
- Nhóm cây ổi, chuối, thanh long ruột đỏ và các loại cây ăn quả khác:.....ha.

(Diện tích trên đã được xác định để phát triển cây ăn quả tập trung theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề án phát triển cây ăn quả tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đến năm 2025, định hướng đến năm 2030).

2. Lượng giống đã sử dụng:

- Nhóm cây cam, bưởi, xoài:ha x cây/ha =cây.

- Nhóm cây ổi, chuối, thanh long ruột đỏ và các loại cây ăn quả khác:.....ha.
ha x cây/ha =cây.

III. Kinh phí đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phường.....xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/

HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

7. Thủ tục: Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao (3.000234)

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- *Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá;*

- *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá) (khi thực hiện phi địa giới);*

- *Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>.*

c) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu chính) 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đối tượng đề nghị thụ hưởng chính sách.*

- *Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan, thực hiện thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định sau 02 ngày làm việc. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết trong đó nêu rõ lý do.*

- *Bước 3: Ngay sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 02 ngày làm việc.*

- *Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ.*

Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định hỗ trợ và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất năm thứ nhất, gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao (theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

+ Bản sao các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao hoặc tài liệu chứng minh khả năng tự ứng dụng công nghệ của chủ dự án (Quy trình áp dụng trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm) (bản sao).

+ Giấy chứng nhận tiêu chuẩn từ VietGAP trở lên đối với sản xuất ứng dụng công nghệ cao; Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc đảm bảo an toàn thực phẩm theo cam kết đối với sản xuất theo hướng công nghệ cao (Riêng cây thức ăn chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng theo yêu cầu bên thu mua sản phẩm theo hợp đồng) (bản sao).

+ Hợp đồng, thanh lý hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm hoặc hóa đơn, phiếu xuất kho, bán lẻ đối với chủ dự án tự tiêu thụ sản phẩm (bản sao).

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí thuê quyền sử dụng đất từ năm thứ hai trở đi, gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và

thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao (theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

+ Các loại giấy chứng nhận còn hiệu lực gồm: Giấy chứng nhận tiêu chuẩn từ VietGAP trở lên đối với sản xuất ứng dụng công nghệ cao; Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc đảm bảo an toàn thực phẩm theo cam kết đối với sản xuất theo hướng công nghệ cao (bản sao).

+ Hợp đồng, thanh lý hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm hoặc hóa đơn, phiếu xuất kho, bán lẻ đối với chủ dự án tự tiêu thụ sản phẩm (bản sao).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân khác và đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường theo quy định để tích tụ, tập trung đất đai, phát triển nông nghiệp (trồng trọt và nuôi trồng thủy sản) quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: *Phòng, đơn vị có liên quan*

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ: *Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*
- Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ: *Văn bản trả lời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã.*

7.8. Phí, lệ phí: Không

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Thanh Hóa.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Dự án đầu tư đảm bảo các tiêu chí về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Có đầy đủ hồ sơ chứng minh việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng có công chứng hoặc chứng thực), thuê quyền sử dụng đất (Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có thời hạn thuê tối thiểu 5 năm với các hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất) để sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản) quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Dự án có cam kết đầu tư sản xuất tối thiểu 05 năm.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị quyết số 192/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách khuyến khích tích tụ tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

- Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu số 09: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao

Kính gửi: Chủ tịch UBND xã/phường.....

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/Thẻ căn cước:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
 Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức)
 Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Tài khoản ngân hàng: Tên chủ tài khoản.....Số tài khoản.....
 Ngân hàng.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, với nội dung như sau:

1. Nhóm: Cây rau, cây hoa, cây dưa và tôm he chân trắng
 - a) Dự án sản xuất ứng dụng công nghệ cao
 - Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Diện tích ha; kinh phí hỗ trợ.....triệu đồng.
 - Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích

năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: Triệu đồng.

b) Dự án sản xuất theo hướng công nghệ cao

- Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Diện tích ha; kinh phí hỗ trợ.....triệu đồng.

- Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: Triệu đồng.

2. Nhóm: Cây ăn quả, cây dược liệu sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao

- Dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Diện tích ha; kinh phí hỗ trợ.....triệu đồng.

- Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: Triệu đồng.

3. Nhóm: Cây lúa, cây mía, cây thức ăn chăn nuôi sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao

- Dự án thuê quyền sử dụng đất: Diện tích năm thứ nhất: ha; diện tích năm thứ 2: ha; diện tích năm thứ 3: ha; diện tích năm thứ 4: ha; diện tích năm thứ 5: ha. Kinh phí hỗ trợ: Triệu đồng.

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... triệu đồng.

Đề nghị Chủ tịch UBND xã/phường.....xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
HỌ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN**
(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))